

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2006/QĐ-BNV

*Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi) Hội Đông y Việt Nam****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 ban hành luật quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ, quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Đông y Việt Nam và Vụ trưởng Vụ tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi) Hội Đông y Việt Nam đã được Đại hội lần thứ XI ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Hội thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Đông y Việt Nam, Vụ trưởng Vụ tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG****Đặng Quốc Tiên**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Hội Đông y Việt Nam (sửa đổi)

*(Ban hành theo Quyết định số 01/2006/QĐ-BNV
ngày 13 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

LỜI NÓI ĐẦU

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, nền Đông y Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công được sự quan tâm của Đảng, nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh, hội Đông y Cứu quốc được thành lập theo Sắc lệnh số 52 ngày 22 tháng 4 năm 1946 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ngày 03 tháng 6 năm 1957 Chính phủ ban hành Nghị định số 399 thành lập Hội Đông y Việt Nam. Từ đó đến nay hội phát triển không ngừng về chuyên môn nghiệp vụ và tổ chức.

Nền Đông y Việt Nam là một bộ phận di sản của nền văn hóa Việt Nam. Hội Đông y Việt Nam là một bộ phận thực thể của nền di sản văn hóa đó, có nhiệm vụ thừa kế, phát huy, phát triển nền Đông y Việt Nam xứng đáng với vai trò lịch sử của đất nước.

Chương I

TÊN GỌI - TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi

Hội Đông y Việt Nam.

Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM ORIENTALLY TRADITIONAL MEDICINE ASSOCIATION.

Tên viết tắt: **VOTMA.**

Điều 2. Tôn chỉ

Hội Đông y Việt Nam là một tổ chức xã hội nghề nghiệp của công dân Việt Nam hành nghề đông y, đông dược, hoạt động trong lĩnh vực khám chữa bệnh bằng đông y, kế thừa, phát huy, phát triển, bảo tồn di sản văn hóa dân tộc thuộc lĩnh vực đông y.

Điều 3. Mục đích của Hội

Hội tập hợp, đoàn kết những người Việt Nam hành nghề đông y, đông dược trong nước và công dân Việt Nam ở nước ngoài, tự nguyện đem hết khả năng, kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn của mình cống hiến cho sự nghiệp chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân. Hội phối hợp với ngành y tế để thừa kế, phát huy, phát triển nền đông y Việt Nam. Kết hợp đông y với tây y, từng bước hiện đại hóa nền đông y, đông dược Việt Nam. Xây dựng nền y học Việt Nam dân tộc, khoa học, đại chúng, thiết thực phục vụ sức khỏe nhân dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Điều 4. Nguyên tắc, phạm vi hoạt động

1. Hội được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, hiệp thương.

2. Hội Đông y Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước, có con dấu riêng, có tài khoản tại ngân hàng, kho bạc nhà nước và có trụ sở tại Hà Nội

3. Hội có cơ quan ngôn luận để tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về đông y, đông dược và truyền bá học thuật cho hội viên và nhân dân. Giới thiệu những kinh nghiệm phòng bệnh và chữa bệnh bằng đông y, đông dược cho nhân dân để từng bước xã hội hóa đông y tại cộng đồng.

4. Hội Đông y Việt Nam lấy ngày 03 tháng 6 hàng năm làm ngày truyền thống của Hội.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 5. Nhiệm vụ của Hội

1. Vận động, tập hợp, giáo dục y đức, y thuật cho những người hành nghề đông y, đông dược. Động viên mọi người đoàn kết mang hết tài năng trí tuệ, kinh nghiệm vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Xây dựng tổ chức hội trên các mặt: Truyền bá y thuật của nền đông y Việt Nam. Dịch thuật, biên soạn tài liệu, sách báo đông y, đông dược xuất bản để hướng dẫn lý luận và kinh nghiệm cho cán bộ, hội viên.

3. Tổ chức khám chữa bệnh bằng đông y và các bài thuốc gia truyền để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, từng bước xã hội hóa nền đông y đóng góp trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

4. Phối hợp với ngành y tế tổ chức tốt việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ lương y, lương dược ở Việt Nam ngày càng đông đảo, về số lượng, đảm bảo chất lượng chuyên môn đáp ứng việc khám chữa bệnh bằng đông y tại cộng đồng.

5. Vận động người có bài thuốc gia truyền công hiến cho nhà nước, hoặc cho hội, hoặc truyền thụ cho con cháu với mục đích bảo tồn và phát triển nền đông y, đông dược Việt Nam.

6. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng chuyên môn đạo đức nghề nghiệp cho hội viên để nâng cao trình độ nhằm phục vụ tốt sức khỏe của nhân dân.

7. Tham gia xây dựng chính sách pháp luật tư vấn, phản biện và giám định hội trong việc xây dựng chế độ chính sách nhằm bảo tồn phát triển nền đông y, đông dược Việt Nam.

8. Mở rộng phát triển mối quan hệ hợp tác quốc tế của hội về đông y, đông dược theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tạo điều kiện cho hội viên hành nghề, truyền nghề đông y, đông dược theo điều lệ của hội và luật pháp hiện hành của nhà nước. Chống lợi dụng danh nghĩa đông y để hành nghề mê tín dị đoan hoặc làm những việc trái với nghề nghiệp đông y.

2. Bảo vệ quyền lợi chính đáng hợp pháp của hội viên.

3. Tổ chức hướng dẫn hoạt động đông y, đông dược của hội viên trong phạm vi cả nước.

4. Bồi dưỡng và cấp chứng chỉ chuyên môn cho hội viên.

5. Tổ chức khám chữa bệnh điều trị bằng các phương pháp dùng thuốc và không dùng thuốc phục vụ sức khỏe nhân dân tại cộng đồng.

6. Sưu tâm, thừa kế, ứng dụng các môn thuốc hay các bài thuốc quý, các bài thuốc gia truyền, tổ chức nuôi trồng, bào chế thuốc nam để sử dụng.

7. Tổng kết kinh nghiệm chuyên môn, nghiên cứu khoa học, kết hợp đông y với tây y, kết hợp phương pháp cổ truyền với hiện đại để chữa bệnh cho nhân dân.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 7. Tiêu chuẩn và hình thức hội viên

1. Tiêu chuẩn:

Hội viên hội Đông y Việt Nam gồm: Công dân Việt Nam là Lương y, Lương dược, người làm thuốc gia truyền, thuốc dân tộc; Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ Y sĩ, Dược sĩ, Kỹ thuật viên, Điều dưỡng viên có liên quan đến đông y và những người đi sâu nghiên cứu đông y, đông dược hoặc đang hành nghề đông y, đông dược, có lương tâm nghề nghiệp, tán thành điều lệ hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập hội thì được kết nạp vào hội.

2. Hình thức hội viên gồm:

- Hội viên chính thức.
- Hội viên liên kết.
- Hội viên danh dự.

a) Hội viên chính thức:

Là công dân Việt Nam ở trong và ngoài nước hoạt động trong lĩnh vực đông y, đông dược có đủ điều kiện nghề nghiệp được kết nạp vào Hội.

b) Hội viên liên kết:

Là công dân Việt Nam muốn hợp tác, giúp đỡ góp phần phát triển nền đông y, đông dược Việt Nam, được Ban Thường vụ Trung ương Hội Đông y Việt Nam công nhận. Việc đóng hội phí của hội viên liên kết là do tự nguyện.

c) Hội viên danh dự:

Là công dân Việt Nam có uy tín, tâm huyết đóng góp vào sự nghiệp phát triển nền đông y, đông dược Việt Nam, được Ban Chấp hành Trung ương Hội Đông y Việt Nam chấp nhận. Việc đóng hội phí của hội viên danh dự là do tự nguyện.

Điều 8. Thẻ hội viên

Ban chấp hành Trung ương Hội quy định việc cấp phát và quản lý thẻ hội viên.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Thực hiện quyền dân chủ, bình đẳng khi thảo luận các vấn đề của hội, được ứng cử, đề cử vào Ban chấp hành và các chức vụ khác của Hội.

2. Được hội bảo vệ quyền lợi chính đáng về chuyên môn, về bản quyền tác giả, tác phẩm, bài thuốc kinh nghiệm, bài thuốc gia truyền, và các phát kiến có giá trị khoa học và kinh tế.

3. Thảo luận biểu quyết mọi công việc của hội và được học tập, tham quan, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về đông y, đông dược.

4. Được hưởng mọi quyền lợi về thi đua khen thưởng theo pháp luật và Điều lệ Hội qui định.

5. Được tham gia hội nghị của hội để nhận xét và đề nghị ý kiến của mình lên Ban chấp hành Trung ương Hội.

Điều 10. Nhiệm vụ của hội viên

1. Sinh hoạt đều đặn trong một tổ chức của Hội.

2. Chấp hành Điều lệ Hội và những nghị quyết của Đại hội, của Ban chấp hành và Ban Thường vụ Trung ương Hội.

3. Tham gia các hoạt động chuyên môn của Hội.

4. Tuyên truyền phát triển hội viên mới, đoàn kết hợp tác với các hội viên khác để cùng nhau thực hiện mục đích vì sự phát triển của Hội, góp phần xây dựng Hội ngày càng vững mạnh.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Xóa tên hội viên

Hội viên sẽ bị xóa tên và thu thẻ hội khi vi phạm pháp luật Nhà nước.

Chương IV TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Tổ chức của Hội

1. Ở Trung ương: Hội Đông y Việt Nam
2. Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gọi chung là tỉnh: Hội Đông y tỉnh.
3. Ở quận, huyện, thị xã, sau đây gọi chung là huyện: Hội Đông y huyện
4. Ở xã, phường thị trấn sau đây gọi chung là xã: Hội Đông y xã.

Việc thành lập Hội Đông y ở tỉnh, huyện, xã theo quy định của pháp luật và hoạt động theo điều lệ hội.

5. Chi hội:

Ở bệnh viện, bệnh xá, trường học, viện nghiên cứu, nhà máy, doanh nghiệp ở Trung ương có hoạt động chuyên môn đông y, đông dược có ít nhất 3 hội viên trở lên được thành lập chi hội trực thuộc Trung ương Hội.

6. Các tổ chức trực thuộc hội:

- Trung tâm thừa kế ứng dụng.
- Phòng chẩn trị.

Việc thành lập các tổ chức thuộc hội theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Cơ quan lãnh đạo Hội

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc.

Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban chấp hành Trung ương Hội triệu tập.

Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 số ủy viên Ban chấp hành yêu cầu.

Số lượng Đại biểu dự Đại hội toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định.

Điều 14. Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội

1. Đại hội Đại biểu toàn quốc của Hội được tổ chức 5 năm một lần.
2. Nhiệm vụ của Đại hội:

Thảo luận báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới.

Thảo luận và biểu quyết điều lệ, hoặc đổi tên Hội, sửa đổi bổ sung điều lệ và quyết định việc chia, tách, sát nhập, hợp nhất, giải thể Hội.

Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban chấp hành Trung ương Hội và báo cáo tài chính của Hội.

Bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Thông qua nghị quyết đại hội.

Điều 15. Ban Chấp hành Trung ương Hội

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội toàn quốc quyết định. Trường hợp khuyết ủy viên Ban Chấp hành thì Ban chấp hành Trung ương Hội có thể bầu bổ sung, tỷ lệ bầu bổ sung không quá 10% so với số lượng ủy viên Ban chấp hành do Đại hội quy định.

2. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp thường kỳ mỗi năm một lần; khi cần, có thể họp bất thường.

3. Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Quyết định các biện pháp thực hiện nghị quyết, chương trình hoạt động trong nhiệm kỳ của Đại hội.

- Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm.

- Bầu và bãi miễn các chức danh lãnh đạo của Hội gồm: Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên Thường vụ; bầu bổ sung, bãi miễn ủy viên Ban chấp hành, Bầu Ban kiểm tra và quyết định công nhận hội viên danh dự.

- Xem xét, quyết định khen thưởng và kỷ luật ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội.

- Chuẩn bị nội dung, chương trình, nhân sự phục vụ Đại hội.

- Quyết định triệu tập Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường.

Việc bầu, bãi miễn và kỷ luật các chức danh lãnh đạo của Hội phải được 2/3 số ủy viên Ban chấp hành có mặt tán thành.

Điều 16. Ban Thường vụ Trung ương Hội

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu Ban Thường vụ: Số ủy viên Ban Thường vụ không quá 1/3 số ủy viên chấp hành.

2. Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các phó chủ tịch, Tổng thư ký và một số ủy viên. Ban Thường vụ họp thường kỳ sáu tháng một lần; khi cần, có thể họp bất thường.

3. Ban Thường vụ có những nhiệm vụ như sau:

- Thay mặt Ban chấp hành chỉ đạo, điều hành các công việc của Hội giữa hai kỳ họp Ban chấp hành.

- Báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban chấp hành.

Chủ tịch, Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký và một số ủy viên Thường vụ được Ban Chấp hành giao nhiệm vụ thường trực để giải quyết công việc hàng ngày.

4. Ban Thường vụ có những quyền hạn sau:

- Phê chuẩn nhân sự chủ chốt và quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật và công nhận hội viên liên kết.

- Thành lập Hội đồng khoa học của Hội, khi cần.

- Tổ chức các Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.

- Quyết định các chương trình hoạt động, kế hoạch công tác của các ban và các tổ chức trực thuộc Trung ương Hội.

- Quyết định gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực theo quy định của pháp luật.

- Cử cán bộ đi dự Hội nghị, hội thảo khoa học trong nước, quốc tế và đi công tác nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Quyết định các vấn đề thi đua khen thưởng và kỷ luật thuộc quyền hạn của Hội.

5. Thường vụ giao Thường trực giải quyết công việc hàng ngày và đột xuất.

Điều 17. Chủ tịch, Phó chủ tịch, Tổng thư ký

1. Chủ tịch là người đứng đầu tổ chức Hội do Ban chấp hành bầu, chịu trách nhiệm trước Ban chấp hành, quyết định các mặt công tác của Hội.

2. Các Phó chủ tịch do Ban chấp hành bầu giúp Chủ tịch một số công việc được phân công.

3. Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký do Ban chấp hành bầu, thay mặt Chủ tịch giải quyết công việc khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 18. Ban kiểm tra Trung ương Hội

Ban Kiểm tra Trung ương Hội do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu gồm: Trưởng ban, Phó trưởng ban và các ủy viên.

- Ban Kiểm tra Trung ương Hội có nhiệm vụ giúp Ban chấp hành Trung ương Hội kiểm tra việc chấp hành điều lệ Hội, việc thực hiện các chủ trương của Ban chấp hành và Ban Thường vụ Trung ương Hội.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra do Ban chấp hành Trung ương Hội quy định.

- Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của Ban chấp hành Trung ương Hội.

Điều 19. Văn phòng Trung ương Hội, các ban và các tổ chức trực thuộc Trung ương Hội

1. Văn phòng Trung ương Hội có nhiệm vụ giúp ban lãnh đạo Hội tổ chức các hoạt động của Hội và làm đầu mối điều hòa với các ban trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Các Ban của Hội:

- Ban chuyên môn;
- Ban tổ chức hành chính;
- Ban kinh tế;
- Ban đối ngoại và quan hệ quốc tế;
- Trung tâm thừa kế ứng dụng.

Chương V TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 20. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm: tài sản do cơ quan Nhà nước hỗ trợ, tài sản tự có của Hội, tài sản thuê dài hạn. Toàn bộ tài sản phải được thể hiện đầy đủ trong sổ sách kế toán của Hội.

2. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản đúng mục đích và hiệu quả.

3. Nếu tài sản bị hư hỏng, không thể sửa chữa để tiếp tục sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục thanh lý trình Chủ tịch Hội quyết định.

Điều 21. Tài chính của Hội

1. Nguồn thu tài chính của hội gồm:

- Kinh phí do ngân sách nhà nước tài trợ hàng năm.
- Hội phí của hội viên.
- Thu từ hoạt động xây dựng quỹ hội.
- Ủng hộ của hội viên, các ngành, các cấp, các nhà hảo tâm, các tổ chức phi chính phủ.
- Thu từ các chương trình, công trình khoa học, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao tay nghề cho hội viên và con em hội viên.

2. Nguồn chi của Hội

- Chi cho các hoạt động của Hội.
- Chi trả lương cho cán bộ, nhân viên chuyên trách.
- Chi về nhà cửa, điện nước, mua sắm phương tiện làm việc.
- Chi nghiên cứu khoa học, đầu tư phát triển Hội.
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác.

Điều 22. Quản lý tài chính, kế toán

1. Tài chính, kế toán của Hội được quản lý theo Quy chế tài chính, kế toán của Hội, phù hợp luật pháp tài chính kế toán của Nhà nước.

2. Báo cáo về tài chính hàng năm của Hội phải được kiểm toán và báo cáo trong Hội nghị Ban Chấp hành, trong Đại hội của Hội và công khai theo quy chế của Hội.

Chương VI KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Cờ thi đua của Trung ương hội xét tặng hàng năm cho các đơn vị có thành tích xuất sắc toàn diện.

2. Bằng khen Trung ương Hội tặng các đơn vị và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm và những đơn vị cá nhân có thành tích đột xuất.

3. Những đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc liên tục nhiều năm thì được đề nghị nhà nước khen thưởng theo luật thi đua khen thưởng.

Điều 24. Kỷ luật

1. Những đơn vị, hội viên nào có hành động sai trái với điều lệ hội, vi phạm pháp luật, làm tổn hại đến thanh danh của hội. Tùy theo mức độ nặng nhẹ mà bị khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi hội.

2. Nếu tổ chức hội hoạt động vi phạm chuyên môn, vi phạm pháp luật thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Bản Điều lệ của Hội Đông y Việt Nam gồm 7 Chương, 26 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Hội thông qua ngày 12 tháng 10 năm 2005, tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ.

Điều 26. Sửa đổi Điều lệ

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Đông y Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ.

Ban chấp hành Trung ương Hội Đông y Việt Nam có nhiệm vụ phổ biến và hướng dẫn thi hành điều lệ này./.

057/3907